

Bản án số: 949/2022/HC-PT

Ngày: 14 - 12 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Văn Kết

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 190/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1357/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: tổ 1, khu phố P, phường T, thị xã T1, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968. Nơi cư trú: khu phố 2, phường T2, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Văn bản ủy quyền ngày 15/5/2018, số công chứng 003977, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD, Văn phòng công chứng N. (có mặt)

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tòa nhà trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường L, phường H, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Minh H trình bày: Ngày 10/02/2016, ông H nhận được Quyết định số 3090/QĐ-UBND đề ngày 25/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Minh H khiếu nại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1. Nội dung quyết định như sau:

“Điều 1. Nay bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh H đối với Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1 về việc yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 154m², diện tích 453m² tọa lạc tại phường T, thị xã T1.

Điều 2. Công nhận Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H là đúng quy định pháp luật...”.

Việc UBND thị xã T1 và UBND tỉnh Bình Dương nhận định diện tích 154m² là đất đường đi cũ, còn diện tích 453m² là đất công (trước đây do Tập đoàn 8 và Hợp tác xã nông nghiệp PT quản lý, từ năm 2012, do UBND xã T quản lý) và cho rằng ông Nguyễn Minh H không có quá trình sử dụng đất, bác yêu cầu của ông H là không đúng.

Ông H không đồng ý với Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vì lý do sau đây:

Căn cứ Văn bản thoả thuận số 93/2012 do UBND thị trấn T chứng thực ngày 29/3/2013 của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Th về việc đồng ý thoả thuận cho ông Nguyễn Minh H được đăng ký, đứng tên sở hữu và trọn quyền sử dụng phần đất do ông Nguyễn Văn Th (chết năm 2010) để lại.

Cùng với việc ông H có quá trình thực tế sử dụng đất trồng cây tràm, có tài sản gắn liền với đất (nhà tạm, hồ xối đất sét, lò nung, nuôi cá) từ thời điểm năm 2011 cho đến nay (có nhân chứng xác nhận).

Ngày 26/11/2012, ông H lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích khoảng 900m² (đo đạc thực tế 812m²) thuộc thửa đất số 92, tọa lạc thị trấn T, huyện T1 (nay là phường T, thị xã T1), tỉnh Bình Dương nhưng không được giải quyết dẫn đến khiếu nại kéo dài.

Trên thực tế, đã từ rất lâu diện tích 154m² không phải là đường đi (có một phần diện tích đất đường đi này đã xét cấp cho ông Hà Văn L - thửa 223), còn diện tích 453m² thì UBND xã T không quản lý, sử dụng, cũng không có bất cứ văn bản, giấy tờ nào thể hiện việc chuyển giao đất từ Tập đoàn 8 sang Hợp tác xã và từ Hợp tác xã sang UBND xã T (tại Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương có ghi nhận vấn đề này).

Diện tích đất ông H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liền kề với thửa đất 870 đã được công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc: Phần đất này do cha ông H là ông Nguyễn Văn Th để lại.

Ông Nguyễn Văn Th đã khai phá, sử dụng đất từ năm 1978 với tổng diện tích khoảng 4900m²; đến năm 2006 có một phần diện tích 4000m² (trong tổng diện tích 4900m²) thuộc quy hoạch khu dân cư V, diện tích còn lại của ông Th vẫn được công nhận và lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, năm 2010 ông Th qua đời, ông H là người được thừa kế phần diện tích đất trên. Tại Công văn số 156/CV-UBND ngày 04/6/2008 của UBND thị trấn T đã công nhận nguồn gốc đất của gia đình ông H là do khai hoang, phục hoá và quản lý, sử dụng từ năm 1978 cho đến nay.

Như vậy, UBND thị xã T1 và UBND tỉnh Bình Dương không xem xét toàn diện, khách quan các tài liệu, chứng cứ cùng thực tế quá trình sử dụng đất của gia đình ông H (từ đời cha ông H là ông Nguyễn Văn Th đến Nguyễn Minh H) mà cắt xén quá trình sử dụng đất, để cho rằng cá nhân ông H không có quá trình sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004, cho rằng ông H “*không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” nhằm bác yêu cầu của ông H.

Nay ông H yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Minh H khiếu nại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Phần đất ông Nguyễn Minh H khiếu nại yêu cầu UBND thị xã T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 607m², tọa lạc tại khu phố P, phường T, thị xã T1, tỉnh Bình Dương, gồm 02 phần:

Phần thứ nhất: Diện tích 154m² hiện trạng tờ bản đồ số 7, phường T là đất đường giao thông công cộng. Phần diện tích đất này có nguồn gốc là đất đường đi công cộng, ông Nguyễn Minh H tự ý chiếm sử dụng từ năm 2011, UBND thị trấn T lập biên bản đình chỉ và yêu cầu tháo dỡ công trình vào ngày 21/02/2011 nhưng ông H vẫn tiếp tục sử dụng đến nay.

Phần thứ hai: Diện tích 453m² gồm 322m² đất thuộc một phần thửa 93 và 131m² thuộc một phần thửa 63, tờ bản đồ số 7, phường T, thị xã T1.

Theo Biên bản làm việc ngày 23/6/2015 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, ông Nguyễn Minh H trình bày nguồn gốc diện tích đất 453m² do ông Nguyễn Văn Th1 (anh của ông Nguyễn Văn Th, ông Th là cha ông H) khai phá sử dụng từ năm 1978; đến năm 1986 ông Th1 giao lại phần diện tích đất trên cho ông Th (cha ông H) sử dụng. Ông Nguyễn Văn Th sử dụng canh tác trồng hoa màu, đến năm 2002 trồng tràm, năm 2007 ông Nguyễn Văn Th thu hoạch tràm, đất bỏ trống đến năm 2010; năm 2011 ông Nguyễn Minh H xây dựng hồ xối đất sét, trồng tràm cho đến nay. Tuy nhiên, ông H không có chứng cứ (giấy tờ) chứng minh. Ông H thừa nhận không đăng ký, đóng thuế đối với phần diện tích đất 453m² này.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/8/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T1, ông Nguyễn Văn Th1 trình bày: “*Phần đất phía Tây con*

đường đất do ông Th khai phá, còn phần đất phía đông con đường ông Th không khai phá, sử dụng, đất phía đông con đường là đất công (làng quản lý)”.

Theo biên bản làm việc ngày 24/6/2015 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, đại diện UBND phường T trình bày như sau:

+ Phần đất 453m² là một phần trong khu đất có nguồn gốc trước năm 1975 là đất làng, sau giải phóng do Tập đoàn 8 sử dụng trồng hoa màu đến năm 1983.

+ Từ năm 1984 đến năm 1986, Hợp tác xã nông nghiệp PT sử dụng trồng mía. Năm 1987, Hợp tác xã sử dụng trồng trà. Đến năm 2005, Hợp tác xã nông nghiệp PT thu hoạch trà và giao đất cho UBND xã T quản lý.

+ Năm 2011, ông Nguyễn Minh H tự ý xây dựng hồ đất sét, trồng trà đến nay.

+ Quá trình sử dụng và việc chuyển giao đất từ Tập đoàn 8 sang Hợp tác xã nông nghiệp PT và từ Hợp tác xã nông nghiệp PT sang UBND xã T không làm giấy tờ nhưng được ông Trần Văn Đ - nguyên Tập đoàn trưởng Tập đoàn 8, ông Phạm Văn S - Nguyên kiểm soát Ban quản trị Hợp tác xã nông nghiệp PT, ông Nguyễn Văn Nh - Nguyên Phó Chủ nhiệm Ban quản trị Hợp tác xã nông nghiệp PT và những người lớn tuổi xác nhận (biên bản ngày 11/6/2015 của Thanh tra Sở Tài nguyên Môi trường).

Ông Nguyễn Minh H có cung cấp đơn xác nhận ngày 06/01/2010 và ngày 04/5/2015, theo đó có tên 06 nhân chứng biết việc ông Nguyễn Văn Th (cha ông H) sử dụng diện tích đất này từ năm 1978 đến nay. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh thì trong 06 nhân chứng do ông H cung cấp có 02 người cho biết khu đất 453m² từ năm 2011 trở về trước do Tập đoàn 8, Hợp tác xã nông nghiệp PT và sau đó là UBND xã T quản lý, sử dụng.

Như vậy, căn cứ khoản 1, khoản 2 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định về xử lý việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 như sau: *“Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng sau khi Nhà nước đã công bố, cấm mốc hành lang bảo vệ hoặc lấn, chiếm lòng, lề đường, vỉa hè sau khi Nhà nước đã công bố chỉ giới xây dựng hoặc lấn, chiếm đất sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, công trình công cộng khác thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm”.* Đối chiếu quy định trên, việc ông Nguyễn Minh H khiếu nại yêu cầu UBND thị xã T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 154m² là không có cơ sở xem xét, giải quyết, vì: Diện tích đất này có nguồn gốc là đất đường đi công cộng, ông Nguyễn Minh H tự ý sử dụng từ năm 2011, UBND thị trấn T đã lập biên bản đình chỉ và yêu cầu tháo dỡ công trình (biên bản ngày 21/01/2011).

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013 quy định về điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*” và khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, quy định các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, trong đó có trường hợp “*Người đang sử dụng đất không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*”. Đối chiếu với quy định trên thì trường hợp của ông Nguyễn Minh H không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất 453m² vì ông Nguyễn Minh H không chứng minh được là ông có quá trình sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004.

Nay Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015, đồng thời đề nghị Toà án tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Minh H; công nhận nội dung Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H về yêu cầu huỷ Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Minh H khiếu nại Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/4/2017, ông Nguyễn Minh H có đơn kháng cáo đề nghị Toà cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông; huỷ Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh

Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người diện theo ủy quyền của ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao về Tòa sơ thẩm giải quyết lại do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp của Quyết định 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1; Đưa thiếu những người tham gia tố tụng Chủ tịch UBND thị xã T1, UBND Phường T, các Công ty được cấp GCN QSD đất đối với phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

- Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền xem xét các quyết định có liên quan, thấy rằng: Tại đơn khởi kiện ngày 10/02/2016 của người khởi kiện ông Nguyễn Minh H yêu cầu hủy Quyết định số 3090/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông đối với Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 29/01/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T1. Nhưng Tòa sơ thẩm không đưa Chủ tịch UBND thị xã T1 vào tham gia tố tụng và không xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của Quyết định 595 (Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 193 của Luật tố tụng hành chính. Bởi lẽ: Nếu qua xem xét, đánh giá xác định Quyết định 595 được ban hành không có căn cứ và không hợp pháp thì Quyết định 3090 là trái pháp luật và ngược lại.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Minh H yêu cầu UBND thị xã T1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 154m² và phần diện tích 453m², tọa lạc tại khu phố P, phường T, thị xã T1, tỉnh Bình Dương, thấy rằng:

[2.1]. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/01/2022 và Bản trích đo xác định diện tích đất và công trình xây dựng trên đất tranh chấp ngày 06/5/2022 (Do Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ủy thác cho Tòa sơ thẩm đo đạc) thể hiện:

- Tổng diện tích đất đang khiếu nại ông H xác định theo đo đạc thực tế là

611m²; trong đó có 68,8m² thuộc công trình đường bê tông hiện hữu, phần diện tích còn lại là đất trống.

- Tại biên bản làm việc ngày 20/9/2022 đại diện UBND Phường T, thị xã T1 trình bày: Phần đất ông H đang khiếu kiện thuộc thửa 63, 93 tờ bản đồ số 7, theo sổ mục kê năm 2011, do UBND Phường T đứng tên quản lý theo Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 04/4/2012 của UBND huyện (nay là thị xã T1); hiện trạng phần đất này hiện nay là đất trống; Thực tế UBND Phường cũng không quản lý sử dụng mà do gia đình ông H quản lý sử dụng.

- Hiện nay, ông H cho rằng phần đất này đã cấp GCNQSD đất cho các Doanh nghiệp trên địa bàn Phường như Công ty TNHH SX-TM thiết bị điện E; Công ty TNHH V, Công ty P...

[2.2]. Từ phân tích trên xét thấy việc phía bị kiện cho rằng ông H không có quá trình sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004 là không phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Vấn đề này cũng cần được xác minh làm rõ.

[2.3]. Do Tòa sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã phân tích ở mục [1]; chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp Quyết định 595; Cần xác minh làm rõ về quá trình quản lý, sử dụng đất; Thực tế hiện nay phần đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các Công ty như ông H trình bày; Nếu đã cấp thì phải đưa họ vào tham gia tố tụng cùng với UBND Phường T (được giao đất) với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thấy rằng những vấn đề thiếu sót trên của Tòa sơ thẩm, Cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao về cho Tòa sơ thẩm giai quyết lại theo thủ tục chung theo như nhận định trên.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy án sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Bộ luật tố tụng hành chính; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Hủy bản án sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh H không phải chịu; hoàn trả cho ông Nguyễn Minh H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0010615 ngày 13/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Giữ lại phần dự nộp án phí hành chính sơ thẩm để tiếp tục giải quyết lại vụ án.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- ĐS (2);
- Lưu VP (3), HS (2).12b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chung Văn Kết